

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /2015/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 13 tháng 8 năm 2015

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH GIA LAI	
SỐ: 5748	Ngày: 14/8/15
ĐẾN	Chuyên: và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trụ sở của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai đặt tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế, số lượng người làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

Giám đốc và Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm Chi cục trưởng. Trường hợp phải kiêm nhiệm thì thời gian kiêm nhiệm không quá 12 tháng.

2. Tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

2.1 Văn phòng Sở;

2.2 Thanh tra Sở;

2.3 Phòng Kế hoạch - Tài chính;

2.4 Phòng Tổ chức cán bộ;

2.5 Phòng Thủy sản (trên cơ sở tách chức năng quản lý nhà nước về thủy sản từ Chi cục Thủy lợi-Thủy sản cũ).

3. Các Chi cục thuộc Sở:

3.1 Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

3.2 Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

3.3 Chi cục Kiểm lâm (sáp nhập nguyên trạng Chi cục Phát triển Lâm nghiệp vào Chi cục Kiểm lâm).

3.4 Chi cục Thủy lợi.

3.5 Chi cục Phát triển nông thôn.

3.6 Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

4. Tổ chức sự nghiệp trực thuộc:

4.1 Trung tâm Khuyến nông;

4.2 Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng;

4.3 Trung tâm Giống vật nuôi;

4.4 Trung tâm Giống thủy sản.

4.5 Ban quản lý (BQL) Rừng phòng hộ Bắc Biển Hồ;

4.6 BQL Rừng phòng hộ Ia Grai;

4.7 BQL Rừng phòng hộ Bắc An Khê;

4.8 BQL Rừng phòng hộ Mang Yang;

4.9 BQL Rừng phòng hộ Hà Ra;

4.10 BQL Rừng phòng hộ Ia Puch;

4.11 BQL Rừng phòng hộ Ia Meur;

4.12 BQL Rừng phòng hộ Chư Sê;

4.13 BQL Rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn;

4.14 BQL Rừng phòng hộ Chư A Thai;

4.15 BQL Rừng phòng hộ Chư Mố;

4.16 BQL Rừng phòng hộ Ayun Pa;

4.17 BQL Rừng phòng hộ Ia Rsai;

4.18 BQL Rừng phòng hộ Xã Nam;

4.19 BQL Rừng phòng hộ Bắc Ia Grai;

4.20 BQL Rừng phòng hộ Ia Ly;

4.21 BQL Rừng phòng hộ Đông Bắc Chư Păh;

4.22 BQL Rừng phòng hộ Ya Hội;

4.23 BQL Rừng phòng hộ Đức Cơ;

4.24 BQL Rừng phòng hộ Đak Đoa;

4.25 BQL Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng;

5. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở và theo thẩm

